

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 tại địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030;

Căn cứ Quyết định số 1710/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030;

Căn cứ Văn bản số 2209/BNN-TCLN ngày 01/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 tại địa bàn tỉnh Gia Lai với những nội dung cụ thể như sau:

A. MỤC TIÊU

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030, giữ vững vốn rừng hiện có, từng bước khôi phục, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của tỉnh Gia Lai.

B. NHIỆM VỤ

I. Bảo vệ rừng

1. Bảo vệ tốt 543.579 ha rừng tự nhiên hiện có.
2. Ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác rừng trái pháp luật và vận chuyển, tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái pháp luật, chống người thi hành công vụ.
3. Chủ động thực hiện công tác phòng chống cháy rừng, phát hiện và tổ chức chữa cháy kịp thời, hiệu quả.
4. Giảm căn bản diện tích rừng bị thiệt hại do các nguyên nhân.

II. Quản lý rừng

1. Xử lý dứt điểm diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang có chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm; không để phát sinh tranh chấp, xâm lấn rừng.

2. Đẩy mạnh quản lý rừng cộng đồng, thực hiện canh tác nương rẫy bền vững theo hướng nông lâm kết hợp.

3. Thực hiện việc giao rừng gắn với giao đất cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý, đặc biệt diện tích rừng do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

4. Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, các công ty lâm nghiệp trên địa bàn.

III. Khôi phục và phát triển rừng

- Trồng rừng đặc dụng, phòng hộ: 2.661 ha, bình quân 177,4 ha/năm.

- Trồng rừng sản xuất 38.462 ha, bình quân 2.564 ha/năm, trong đó, trồng mới 27.000 ha, trồng lại sau khai thác là 11.462 ha.

- Khoanh nuôi tái sinh rừng bình quân giai đoạn 2016-2030: 11.341 ha/giai đoạn, trong đó khoanh nuôi mới 1.792 ha; khoanh nuôi tái sinh theo Nghị định số 75/NĐ-CP 500 ha; khoanh nuôi chuyển tiếp 9.482 ha.

- Trồng rừng thay thế: 30.030 ha. Trong đó giai đoạn 2021-2025: 23.250 ha, bình quân 4.650 ha/năm; giai đoạn 2026-2030: 4.030 ha, bình quân 806 ha/năm;

- Trồng cây phân tán: 13.350 triệu cây, bình quân 0,89 triệu cây/năm.

Tiến độ thực hiện:

Giai đoạn	Trồng rừng						Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh				Trồng cây phân tán (nghìn cây)
	Tổng	Trồng rừng PH, ĐD	Rừng sản xuất			Trồng rừng thay thế	Tổng	Mới	KNTS theo ND 75	Chuyển tiếp	
			Tổng	Trồng mới	Trồng lại sau KT trắng						
2016-2030	71.153	2.661	38.462	27.000	11.462	30.030	11.341	1.792	500	9.482	13.350
2016-2020	22.873	1.161	18.962	17.500	1.462	2.750	3.168	477	500	2.491	3.350
2021-2025	35.000	750	11.000	6.000	5.000	23.250	15.754	3.000	-	12.754	5.000
2026-2030	13.280	750	8.500	3.500	5.000	4.030	15.100	1.900	-	13.200	5.000

C. GIẢI PHÁP

I. Bảo vệ rừng, ngăn chặn phá rừng, giải quyết lấn chiếm đất

Các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp:

- Duy trì cung cấp thông tin cảnh báo cháy rừng; khoanh vùng trọng điểm cháy; kiểm tra, phát hiện, xử lý thông tin kịp thời nếu có cháy rừng xảy ra. Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.

- Củng cố kiện toàn BCH PCCCR các cấp, có quy chế hoạt động, chương trình công tác; xây dựng phương án chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ; thực hiện các biện pháp lâm sinh phòng chống cháy rừng; kiểm tra, giám sát và hướng dẫn kỹ thuật xử lý thực bì trong canh tác nương rẫy.

- Thực hiện việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, ứng dụng công nghệ trong theo dõi diễn biến rừng để kịp thời đưa ra giải pháp xử lý cho phù hợp.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án PCCCR tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 và dự án nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm Gia Lai giai đoạn 2017-2021;

Xây dựng dự án nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm Gia Lai giai đoạn 2021-2025

- Các lực lượng chức năng triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, kịp thời phát hiện, đấu tranh, điều tra, xử lý các cá nhân, tổ chức, băng nhóm chuyên khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến lâm sản trái pháp luật và các hành vi bao che, tiếp tay lâm tặc phá rừng; kiểm điểm, xử lý nghiêm chủ rừng, chính quyền địa phương tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng và người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi phá rừng.

- Thực hiện nghiêm chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên (khai thác chính, khai thác tận thu, tận dụng) theo Kết luận số 97-KL/TW ngày 9/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Không chuyển mục đích sử dụng diện tích rừng tự nhiên hiện còn sang mục đích khác, kể cả các dự án, công trình đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai, trừ các dự án phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng đặc biệt phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Giải quyết kịp thời tình trạng di dân tự do, không để người dân phá rừng lấy đất sản xuất. Tổ chức giải tỏa, thu hồi diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm kể từ thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011, đồng thời có kế hoạch phục hồi và trồng lại rừng. Giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp giữa người dân tại chỗ với các chủ rừng, chủ đầu tư dự án, không để tạo ra “điểm nóng” và khiếu kiện đông người.

- Trên cơ sở kết quả điều tra kiểm kê rừng năm 2014 đã được công bố, kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI thông qua tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017, giao trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và chủ rừng. Địa phương, đơn vị chủ rừng để mất rừng phải kiểm điểm, xử lý rõ trách nhiệm quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ, kiên quyết đình chỉ hoạt động cơ sở vi phạm, thu hồi, không cấp mới giấy phép kinh doanh đối với cơ sở không bảo đảm nguồn nguyên liệu hợp pháp hoặc không phù hợp với quy hoạch.

- Huy động sự vào cuộc của lực lượng Công an, Quân đội và các tổ chức chính trị, xã hội kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn tình trạng phá rừng lấy gỗ, lâm sản và đất sản xuất trái pháp luật; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, chống người thi hành công vụ.

II. Nâng cao nhận thức và tư duy quản lý của đội ngũ cán bộ

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của rừng;

- Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của các cấp quản lý và người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; tăng cường hoạt động khuyến lâm, xây dựng các mô hình lâm nghiệp chất lượng cao, khuyến khích phát triển nông lâm kết hợp, canh tác hiệu quả bền vững.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về rừng, tổ chức thực thi nhiệm vụ, gương mẫu kỷ

cương của cán bộ.

- Rà soát, cân đối nhu cầu lực lượng kiểm lâm, lực lượng quản lý bảo vệ rừng chuyên trách, đảm bảo đủ kiểm lâm viên địa bàn phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng cơ sở; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng, tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, truy quét, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, nhất là tại các khu vực giáp ranh giữa các xã, các huyện thuộc tỉnh và với các tỉnh bạn, khu vực biên giới giáp Campuchia;

- Các đơn vị chủ rừng nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao; triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng tại gốc; có kế hoạch thường xuyên, đột xuất tuần tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các vụ việc vi phạm trên lâm phần quản lý;

- Nâng cao hiệu quả điều hành, vai trò, trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng của lực lượng kiểm lâm và bảo vệ rừng cơ sở;

- Tăng cường đầu tư phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn về bảo vệ rừng cho lực lượng tham gia bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

3. Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới 11 Công ty lâm nghiệp đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp;

- Sắp xếp lại các Ban quản lý rừng phòng hộ theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức sản xuất theo chuỗi sản phẩm từ trồng rừng, thu mua nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; hình thành các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn ở từng vùng kinh tế; lấy các doanh nghiệp mạnh hiện có làm trung tâm liên kết chuỗi sản xuất đối với mỗi sản phẩm chủ lực, nhất là sản phẩm xuất khẩu;

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình hợp tác trong lâm nghiệp; thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi về thể chế để nông dân, hộ gia đình góp quỹ đất cùng doanh nghiệp tổ chức sản xuất lâm nghiệp; triển khai thí điểm mô hình hoặc lựa chọn 1 công ty lâm nghiệp hỗ trợ thực hiện liên doanh, liên kết với người dân, gắn phát triển nguyên liệu với chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

4. Phát triển nguồn nhân lực, tăng cường năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, lực lượng bảo vệ rừng cơ sở, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương; tập huấn, đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ, kỹ thuật và quy trình sản xuất trong lâm nghiệp, nông lâm kết hợp cho các hộ nông dân.

III. Giải pháp về đất đai

1. Đối với công tác quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp: Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án chuyển đổi rừng sang các cây trồng khác và các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp từ năm 2006 đến nay, đề xuất giải pháp phù hợp.

2. Tiếp tục thu hồi diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm kể từ thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011, Kế hoạch số 1123/KH-

UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời có kế hoạch phục hồi và trồng lại rừng.

3. Triển khai giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý bảo vệ phát triển rừng và kinh doanh lâm nghiệp tổng hợp;

4. Tổ chức xây dựng và triển khai cơ chế về liên doanh, liên kết giữa hộ nông dân góp đất với doanh nghiệp để phát triển rừng; tranh thủ nguồn vốn của doanh nghiệp để trồng rừng, tăng độ che phủ, nâng cao thu nhập cho người dân. Có cơ chế chia sẻ lợi ích và điều khoản liên doanh liên kết phát triển rừng giữa người dân và doanh nghiệp.

5. Có kế hoạch đưa diện tích đất chưa sử dụng quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp để phát triển rừng.

IV. Giải pháp về huy động vốn

Đa dạng hóa các nguồn vốn triển khai thực hiện Đề án với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn để nâng cao hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng, huy động tối đa nguồn lực tài chính hợp pháp trong đó chủ yếu là nguồn vốn xã hội hóa từ người dân và doanh nghiệp.

1. Nguồn ngân sách nhà nước.

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương ưu tiên hỗ trợ cho các dự án trồng rừng đặc dụng, phòng hộ; hỗ trợ trồng rừng sản xuất, các dự án ở địa bàn các huyện theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ. Vốn ngân sách địa phương bố trí cho các dự án còn lại theo chính sách chung;

- Vốn sự nghiệp kinh tế của Nhà nước bảo đảm cho việc khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng đặc dụng, hỗ trợ các công ty lâm nghiệp, các chi phí sự nghiệp khác theo quy định hiện hành.

2. Nguồn vốn xã hội hóa

Huy động tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế theo cơ chế liên doanh, liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp theo hình thức người dân góp đất, doanh nghiệp góp vốn để phát triển rừng, hình thành vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến gỗ; doanh nghiệp đầu tư phát triển mô hình du lịch sinh thái gắn với cộng đồng bảo vệ rừng.

Khuyến khích các hộ nông dân đầu tư phát triển mô hình nông lâm kết hợp, trang trại lâm nghiệp.

3. Nguồn vốn từ tín dụng

Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư phát triển lâm nghiệp thông qua chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

4. Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, bao gồm nguồn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng, vốn của doanh nghiệp, hộ gia đình... để phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

V. Một số giải pháp khác

1. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp.

Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, bảo vệ rừng, ưu tiên các nghiên cứu cải thiện giống cây trồng và thâm canh rừng, khảo nghiệm mở

rộng các giống tiến bộ kỹ thuật, giống nhập nội, giống chất lượng cao phục vụ trồng rừng gỗ lớn, công nghệ chế biến; rà soát, đánh giá cụ thể bố trí cây trồng nông nghiệp, công nghiệp và lâm nghiệp, cơ cấu cây trồng rừng hợp lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường phát triển ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý và cập nhật theo dõi diễn biến tài nguyên rừng tại các địa phương vào cơ sở dữ liệu cấp quốc gia để phục vụ cho hoạt động giám sát, đồng thời kịp thời có những giải pháp bảo vệ và phát triển rừng kịp thời để khắc phục những biến động tài nguyên rừng có liên quan

2. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại

Thực hiện tốt các cam kết, hợp tác quốc tế, đặc biệt là với Vương quốc Campuchia trong công tác bảo vệ rừng, chống buôn bán gỗ bất hợp pháp, động vật hoang dã; đẩy mạnh hội nhập trên các lĩnh vực như phát triển vùng nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, chế biến, xuất khẩu lâm sản, quản lý rừng bền vững.

Tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút các thành phần kinh tế, đặc biệt là của doanh nghiệp vào phát triển lâm nghiệp của tỉnh; hợp tác, liên kết với các tỉnh trong công tác phát triển vùng nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, thực hiện đổi mới trong quản lý lưu thông hàng hoá lâm sản đảm bảo nguồn gốc hợp pháp, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và đảm bảo hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo động lực thị trường, thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp trong nước phát triển.

VI. Các dự án ưu tiên.

- Dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.
- Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.
- Dự án đầu tư phát triển vùng đệm Vườn quốc gia Kon Ka Kinh giai đoạn 2021-2025.
- Dự án Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Gia Lai.
- Phương án PCCCR tỉnh Gia Lai.
- Dự án bảo tồn, quản lý bền vững một số loài thực vật gỗ quý hiếm và quản lý gây nuôi phát triển động vật rừng tỉnh Gia Lai.

D. NHU CẦU VỐN

Khái toán tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2016-2030: 7.258.244 triệu đồng.

1.1. Vốn ngân sách nhà nước: 2.058.360 triệu đồng.

- Trung ương: 1.743.981 triệu đồng.

- Địa phương: 314.379 triệu đồng.

1.2. Vốn chi trả DVMTR: 1.263.904 triệu đồng.

1.3. Vốn trồng rừng thay thế: 1.773.200 triệu đồng

1.4. Vốn ODA: 727.800 triệu đồng.

1.5. Vốn hợp pháp khác (của tổ chức, cá nhân): 1.435.980 triệu đồng.

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2025: 2.720.348 triệu đồng.

1.1. Vốn ngân sách nhà nước: 631.010 triệu đồng.

- Trung ương: 555.224 triệu đồng.

- Địa phương: 75.786 triệu đồng.

1.2. Vốn chi trả DVMTR: 249.488 triệu đồng.

1.3. Vốn trồng rừng thay thế: 1.511.250 triệu đồng

1.4. Vốn hợp pháp khác (của tổ chức, cá nhân): 328.600 triệu đồng.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:
- + Tổ chức thực hiện và hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện Đề án.
- + Kiểm tra, đôn đốc, giám sát và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án;

- + Triển khai có hiệu quả các dự án bảo vệ và phát triển rừng trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020; xây dựng các dự án bảo vệ và phát triển rừng trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

- + Xây dựng dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030;

- + Tổ chức quản lý, giám sát thực hiện Đề án để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra, gắn kết thực hiện khôi phục, bảo vệ rừng giữa các tỉnh của vùng Tây Nguyên và giữa vùng Tây Nguyên với các vùng khác.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, phân bổ nguồn lực, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính hướng dẫn kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện Đề án;

- Chủ trì phối hợp với các Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án

- Đưa các dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai vào danh mục ưu tiên được cân đối vốn đầu tư cho phục hồi bền vững rừng;

- Trên cơ sở tổng hợp báo cáo xây dựng kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp, thống nhất kế hoạch hàng năm, 3 năm và 5 năm; bố trí nguồn lực phù hợp để thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, bố trí vốn sự nghiệp lâm nghiệp; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các quy định về tài chính hiện hành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo kế hoạch được phê duyệt;

Hướng dẫn các địa phương rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, thu hồi đất lâm nghiệp sử dụng trái phép; kiên quyết chấm dứt tình trạng “hợp thức hoá” đất phá rừng, sang nhượng trái pháp luật.

5. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định về trồng rừng thay thế, kiên quyết thu hồi giấy phép, dừng hoạt động đối với dự án không chấp hành trồng rừng thay thế và chi trả dịch vụ môi trường rừng.

6. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai huy động đúng, đủ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng theo quy định, chi trả kịp thời, đóng góp tích cực, hiệu quả trong công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

7. Các sở, ngành, đơn vị khác có liên quan

Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan trong hệ thống vào cuộc mạnh mẽ, hỗ trợ các sở, cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong phòng ngừa đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Tổ chức thực hiện Đề án; rà soát, xây dựng các dự án và kế hoạch thực hiện, nhu cầu vốn hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh;

- Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, thu hồi đất lâm nghiệp sử dụng trái pháp luật, không thực hiện đúng quy định; chấm dứt tình trạng hợp thức hóa đất phá rừng, sang nhượng trái pháp luật;

- Giải quyết kịp thời tình trạng di dân tự do, tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp, không để tạo ra “điểm nóng” và khiếu kiện đông người;

- Quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc địa phương quản lý; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở ngành liên quan về tiến độ thực hiện dự án và tổ chức sơ kết, tổng kết dự án ở địa phương.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai Đề án, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Các sở, ngành, đơn vị có liên quan phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện; tham gia kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Đề án khôi phục bền vững rừng tỉnh Gia Lai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./. MA.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Kpă Thuyên